

Bản án số: 05/2021/DS-ST

Ngày 02-03-2021

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Công Định

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Từ Minh Hải

Bà Đỗ Thị Hoài Mơ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 03 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thẩm thụ lý số: 76/2020/TLST-DSTC ngày 06 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2020/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 12 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2021/QĐST-DSTC ngày 06/01/2021, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 02/2021/QĐST-DSTC ngày 02/02/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1957 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố C, TT Đ, huyện LN, tỉnh BG.

Bị đơn: Anh Phạm Văn L, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Chị Phạm Thị N, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn G, TT Đ, huyện LN, tỉnh BG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 29/9/2020 cùng các lời khai nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày: Bà và vợ chồng anh Phạm Văn L, chị Phạm Thị N có quan hệ quen biết. Vợ chồng anh L, chị N có vay tiền của bà nhiều lần từ năm 2016 đến năm 2017 tổng số tiền 488.000.000 đồng, cụ thể:

Lần 1: Ngày 03/06/2016 (âm lịch) anh L, chị N vay số tiền 20.000.000 đồng;

Lần 2: Ngày 30/8/2016 (âm lịch) anh L, chị N vay số tiền 160.000.000 đồng;

Lần 3: Ngày 18/02/2017 (âm lịch) anh L, chị N vay số tiền 60.000.000

đồng;

Lần 4: Ngày 02/03/2017 (âm lịch) anh L, chị N vay số tiền 40.000.000

đồng;

Lần 5: Ngày 02/4/2017 (âm lịch) anh L, chị N vay số tiền 48.000.000

đồng;

Lần 6: Ngày 09/04/2016 (âm lịch) anh L, chị N vay số tiền 120.000.000

đồng;

Lần 7: Ngày 16/12/2017 (âm lịch) anh L, chị N vay số tiền 40.000.000

đồng;

Khi vay có viết giấy tờ vay nợ (có giấy vay nợ chị N ký giấy vay nợ, có giấy anh L ký giấy vay nợ), có hẹn thời gian trả nợ và có thoả thuận lãi suất nhưng không ghi cụ thể mà thoả thuận miệng khoảng 02%/tháng. Đến hạn trả các khoản nợ trên nhưng vợ chồng anh L, chị N không trả tiền bà. Bà có đến đòi nhiều lần nhưng vợ chồng anh L, chị N không trả. Nay bà khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị N, anh L phải trả bà số gốc 488.000.000 đồng và tiền lãi của khoản tiền này theo quy định của pháp luật tính từ ngày 16/12/2017 cho đến khi xét xử.

Bà xác định những khoản tiền cho vợ chồng anh L, chị N vay là tiền cá nhân của bà không liên quan gì tới chồng bà là ông Từ Văn Ngọc, sinh năm 1955, địa chỉ: Tổ dân phố Chăm Mới, TT Đồi Ngô, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Tại phiên tòa hôm nay Bà T xác định vợ chồng anh L, chị N đã thanh toán trả cho bà được số tiền gốc là 22.400.000 đồng (trong đó 20.000.000 đồng của khoản vay 160.000.000 đồng và 2.400.000 đồng của khoản vay 20.000.000 đồng). Nay bà yêu cầu vợ chồng anh L, chị N phải trả bà số tiền gốc là 465.600.000 đồng và tính lãi suất của khoản tiền nợ gốc này theo mức 10%/năm tính từ ngày 17/11/2018 (âm lịch) tức ngày 23/12/2018 cho đến khi xét xử.

Bị đơn là chị Phạm Thị N trình bày: Vợ chồng chị và bà Trần Thị T không có họ hàng quen biết gì. Do có người giới thiệu là Bà T có cho vay bất họ 11 tháng. Có nghĩa là Bà T sẽ cho vợ chồng chị vay một khoản tiền cụ thể và vợ chồng chị sẽ trả dần cả gốc lẫn lãi trong vòng 11 tháng. Mỗi tháng trả một khoản tiền cụ thể đến khi hết thì thôi.

Theo như giấy vay nợ Bà T nộp theo đơn khởi kiện thì vợ chồng có vay tiền của Thanh như sau:

- Ngày 03/6/2016 (âm lịch): Giấy vay nợ ghi 20.000.000 đồng.
- Ngày 30/8/2016 (âm lịch): Giấy vay nợ ghi 160.000.000 đồng.
- Ngày 18/02/2017 (âm lịch): Giấy vay nợ ghi 60.000.000 đồng.
- Ngày 02/03/2017 (âm lịch): Giấy vay nợ ghi 40.000.000 đồng.
- Ngày 03/04/2017 (âm lịch): Giấy vay nợ ghi 48.000.000 đồng.
- Ngày 09/04/2017 (âm lịch): Giấy vay nợ ghi 120.000.000 đồng.
- Ngày 16/12/2017 (âm lịch): Giấy vay nợ ghi 40.000.000 đồng.

Tổng tiền là: 488.000.000 đồng chứ không phải là 493.000.000 đồng.

Về số tiền vay nợ như Bà T trình bày chị xác định là không đúng, nếu tiền gốc chị vay cụ thể của Bà T chỉ là 170.000.000 đồng, còn số tiền như những giấy vay nợ là do Bà T cộng lãi thành số tiền như vậy. Chị xác định chị đã trả hết tiền cho Bà T. Khi trả tiền vợ chồng chị không viết giấy tờ vay gì. Giấy gốc

thì chị có bảo Bà T xé đi, chứ vợ chồng chị không lấy về. Những chữ ký trên giấy vay nợ như Bà T nộp là của chị và chồng chị, chị xác nhận là đúng. Những nội dung trong các giấy vay nợ là do tay chị tự viết. Nay Bà T khởi kiện yêu cầu trả tiền quan điểm của chị là không đồng ý. Vì vợ chồng chị không còn nợ Bà T tiền.

Tại phiên tòa hôm nay chị N vắng mặt.

Bị đơn là anh Phạm Văn L trình bày: Anh và bà Trần Thị T không có quan hệ họ hàng hay thân thích gì. Vào khoảng tháng 08/2016, khi đó vợ anh làm ăn thua lỗ nên Bà T chủ động gọi điện thoại cho anh đề cho vay tiền, số tiền vợ chồng anh vay là 160.000.000 đồng. Vay theo hình thức bốc bát họ trong vòng 11 tháng, mỗi tháng trả 21.000.000 đồng, khi vay vợ anh là người nhận tiền còn anh chỉ ký tên vào giấy tờ vay tiền. Anh xác định khoản tiền vay này vợ chồng anh đã trả cho Bà T được số tiền 180.000.000 đồng, bao gồm tiền gốc 160.000.000 đồng và 20.000.000 đồng tiền lãi. Việc trả tiền này là do vợ anh trả, còn vợ anh có lấy giấy tờ vay gốc hay không thì anh không rõ. Đối với khoản vay 20.000.000 đồng ghi ngày 03/06/2016, anh xác định khoản vay này anh có vay của Bà T và là khoản vay cá nhân không liên quan gì tới vợ anh. Thời hạn vay là 01 tháng, sau này chuyển thành trả dần hàng tháng mỗi tháng trả 2.000.000 đồng. Anh xác định đã trả được nhiều lần cho Bà T còn cụ thể bao nhiêu tiền thì anh không nhớ, khi trả tiền thì chỉ đưa tay không viết giấy tờ gì. Đối với số tiền còn nợ là bao nhiêu anh không nhớ. Đối với các khoản vay khác có chữ ký của vợ anh là chị N thì anh không được biết và cũng không được tiêu những khoản tiền này. Số tiền này vợ anh dùng vào việc gì anh không được biết. Nay Bà T yêu cầu khởi kiện vợ chồng anh phải trả khoản tiền vay là 493.000.000 đồng và tiền lãi của khoản tiền vay theo quy định của pháp luật, quan điểm của anh là anh không nợ số tiền trên mà chỉ còn nợ số tiền 20.000.000 đồng (còn nợ lại khoảng 10.000.000 đồng) còn số tiền 160.000.000 đồng đã trả xong, còn các khoản nợ khác anh không vay và không biết. Về tài liệu, chứng cứ chứng minh cho ý kiến anh trình bày, anh không có xuất trình cho Tòa án vì khi trả tiền chỉ đưa tay không có giấy tờ gì.

Tại phiên tòa hôm nay anh L vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký Tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía các đương sự nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chưa chấp hành nghiêm chỉnh đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ:

Căn cứ Khoản 2 Điều 357, Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468, Điều Bộ luật dân sự 2015

Căn cứ Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 158; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T.

Buộc vợ chồng chị Phạm Thị N, anh Phạm Văn L phải trả cho bà Trần Thị T tổng số tiền 567.385.300 đồng trong đó số tiền gốc là 465.600.000 đồng và tiền lãi 101.785.300 đồng.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề xuất giải quyết án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Bị đơn chị Phạm Thị N, anh Phạm Văn L đã được Tòa án triệu tập và tổng đạt các văn bản theo quy định của pháp luật. Tại phiên Tòa hôm nay chị N, anh L vắng mặt lần 2 không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về yêu cầu trả nợ gốc và nợ lãi của bà Trần Thị T, HĐXX thấy:

[2.1.1] Về yêu cầu trả tiền gốc: Trong thời gian từ ngày 03/06/2016 (âm lịch) tức 06/07/2016 đến ngày 16/12/2017 (âm lịch) tức ngày 01/02/2018 và Trần Thị T có cho vợ chồng chị Phạm Thị N, anh Phạm Văn L vay tổng số tiền 488.000.000 đồng, khi vay hai bên có viết giấy tiền, lãi suất do hai bên thỏa thuận ngoài, thời hạn trả là 11 tháng kể từ ngày vay. Tuy nhiên đến hạn vợ chồng anh L, chị N không thanh toán khoản tiền đã vay, Bà T đã đến yêu cầu anh L, chị N thanh toán trả nợ nhiều lần nhưng anh L, chị N không trả. Bà T thừa nhận đã nhận của vợ chồng anh L, chị N số tiền gốc là 22.400.000 đồng (trong đó 20.000.000 đồng của khoản vay 160.000.000 đồng và 2.400.000 đồng của khoản vay 20.000.000 đồng), số tiền nợ gốc còn lại là 465.600.000 đồng. Xác định đây là giao dịch dân sự hợp pháp, hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn, không có lãi. Trong quá trình làm việc vợ chồng anh L, chị N không thừa nhận còn nợ Bà T số tiền như Bà T đã khởi kiện, tuy nhiên vợ chồng anh L, chị N không xuất trình được tài liệu chứng cứ chứng minh cho trình bày của mình, Tòa án đã tiến hành mở các phiên đối chất nhưng anh L, chị N đều vắng mặt. Do đó việc Bà T yêu cầu anh Dũng trả số tiền nợ gốc là 465.600.000 đồng là có căn cứ chấp nhận theo Điều 463, khoản 5 Điều 466, Điều 470 BLDS.

[2.1.2] Về yêu cầu tính lãi của khoản tiền gốc 465.600.000 đồng của bà Trần Thị T tính từ ngày 17/11/2018 (âm lịch) tức ngày 23/12/2018 đến khi ngày xét xử (02/03/2021) với mức lãi suất theo quy định của pháp luật, HĐXX thấy: Hợp đồng vay tiền giữa Bà T và vợ chồng anh L, chị N là hợp đồng vay có kỳ

hạn, lãi suất do hai bên tự thỏa thuận, nay xét yêu cầu của Bà T yêu cầu tính lãi của khoản tiền vay 465.600.000 đồng tính từ ngày 17/12/2018 (âm lịch) tức ngày 23/12/2018 đến ngày 02/03/2021 với mức lãi suất 10%/năm vẫn đảm bảo đúng theo quy định theo Điều 357, Điều 466; Điều 468 BLDS năm 2015.

Thời gian tính lãi từ ngày 17/11/2018 (âm lịch) tức ngày 23/12/2018 đến khi ngày xét xử (02/03/2021) là 02 năm 02 tháng 07 ngày. Số tiền lãi là $(465.600.000.000 \text{ đồng} \times 02 \text{ năm } 02 \text{ tháng } 07 \text{ ngày} \times 10\%/\text{năm}) = 101.785.300 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền gốc và tiền lãi là: 567.385.300 đồng.

[2.4] Thời điểm ký giấy vay tiền anh Phạm Văn L, chị Phạm Thị N là vợ chồng, việc anh L trình bày không biết việc chị N vay tiền của Bà T và chị N vay tiền của Bà T vì mục đích gì là không có căn cứ, bản thân chị N vay tiền Bà T anh L có biết và có ký tên vào giấy vay nợ, hơn nữa các giao dịch dân sự do chị N thực hiện trong thời kỳ hôn nhân là phục vụ cho mục đích làm ăn kinh tế chung cho gia đình, giữa chị N và anh L không có thỏa thuận về tài sản riêng. Do đó, cần buộc anh L và chị N có trách nhiệm thanh toán khoản tiền đã vay cho Bà T là đảm bảo theo Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn là anh Phạm Văn L và chị Phạm Thị N phải chịu toàn bộ án phí DSST theo Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Mức án phí là 28.369.200 đồng.

[4] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 357, Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 158; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T:

Buộc vợ chồng anh Phạm Văn L, chị Phạm Thị N phải trả cho bà Trần Thị T tổng số tiền 567.385.300 đồng trong đó số tiền gốc là 465.600.000 đồng và tiền lãi 101.785.300 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất

cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. *Về án phí*: Anh Phạm Văn L, chị Phạm Thị N phải chịu 28.369.200 đồng án phí DSST.

3. *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Nam;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Công Định

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Từ Minh Hải – Đỗ Thị Hoài Mơ

Đặng Công Định